

Số: 1440/QĐ-ĐHBRVT

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 31 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đào tạo đại học, cao đẳng vừa làm vừa học.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Quyết định số 27/2006/QĐ-TTg ngày 27/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 310/QĐ-ĐHBRVT ngày 19/5/2012 của Hội đồng quản trị Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hình thức vừa làm vừa học ban hành kèm theo Quyết định số 36/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 28/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên,

- QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hình thức vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng, khoa, đơn vị, cá nhân liên quan và sinh viên đại học, cao đẳng hình thức vừa làm vừa học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Website, egov;
- Lưu: VT.



TS. Nguyễn Thị Chim Lang

QUY ĐỊNH

Đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1440/QĐ-ĐHBRVT ngày 31/12/2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về đào tạo đại học, cao đẳng hình thức vừa làm vừa học (VLVH) theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên (SV) các khoá đào tạo hình thức VLVH theo hệ thống tín chỉ trình độ đại học, cao đẳng của Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu (sau đây gọi là Trường).

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo đại học, cao đẳng (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu giáo dục đại học, cao đẳng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo; bảo đảm yêu cầu liên thông với các chương trình đào tạo khác.

2. Chương trình VLVH trình độ đại học và cao đẳng được xây dựng trên cơ sở chương trình hệ chính quy đã được Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu phê duyệt. Trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT, Trường quy định khối lượng kiến thức và nội dung chương trình VLVH bảo đảm các yêu cầu về nội dung của chương trình hệ chính quy cùng trình độ đào tạo.

Điều 3. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho SV tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do Nhà trường quy định.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc SV phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng SV được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của SV. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ SV phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

4. Hiệu trưởng quy định việc tính số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho SV, đánh giá kết quả tự học của SV và số giờ tiếp xúc SV ngoài giờ lên lớp.

5. Một tiết học được tính bằng 45 phút.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 4. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học. Khóa học là thời gian để SV hoàn thành một chương trình cụ thể. Thời gian hoàn thành một chương trình theo hình thức VLVH phải dài hơn so với chương trình đó ở cùng trình độ hệ chính quy từ nửa năm đến một năm.

2. Căn cứ vào khối lượng kiến thức của các chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên quy định số học phần và các hoạt động khác cho từng kỳ học, từng năm học.

3. Đầu khóa học, Trường thông báo công khai về nội dung và kế hoạch học tập của từng chương trình; quy định đào tạo; nghĩa vụ và quyền lợi của SV, phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá, thi, kiểm tra.

4. Đầu mỗi năm học, Trường thông báo công khai lịch trình học của từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn, đề cương chi tiết học phần và điều kiện để được đăng ký học cho từng học phần, lịch

kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi các học phần, giáo trình, tài liệu có liên quan.

5. Thời gian tối đa được phép học để hoàn thành chương trình bao gồm thời gian quy định cho chương trình quy định tại Khoản 1 Điều này, cộng với 2 học kỳ đối với các khóa học dưới 3 năm; 4 học kỳ đối với các khóa học từ 3 đến dưới 5 năm; 6 học kỳ đối với các khóa học từ 5 đến 6 năm.

Điều 5. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do giảng viên đề xuất, ngành/ban thảo luận thông qua, đơn vị đào tạo đề xuất Hiệu trưởng phê duyệt. Trọng số của các điểm đánh giá bộ phận và cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định chung như sau:

$$\text{Đhp} = 60\% \text{ Đtkthp} + 20\% \text{ Đtghp} + 20\% \text{ Đtxcc}$$

Trong đó:

Đhp: Điểm học phần

Đtkthp: Điểm thi kết thúc học phần

Đtghp: Điểm thi giữa học phần

Đtxcc: Điểm trung bình của các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, điểm chuyên cần thái độ học tập.

a) Tùy theo đặc thù của học phần và số lượng sinh viên dự học, giảng viên giảng dạy quy định các điểm thành phần trong cột Đtxcc dưới các hình thức: trung bình các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và điểm chuyên cần thái độ học tập hoặc chỉ có trung bình các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ;

b) Đối với những học phần có làm tiểu luận thì điểm tiểu luận thay thế cho điểm thi giữa học phần;

c) Sinh viên hoặc nhóm sinh viên nhận đề tài làm tiểu luận hoặc thực hiện bài tập lớn phải thực hiện từ khi bắt đầu vào học học phần đó.

2. Các học phần thí nghiệm, thực hành:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành. Điểm trung bình cộng các bài thí nghiệm, thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần đó.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

Điều 6. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những SV không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi.

Điều 7. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Bài thi được bảo quản tại các bộ môn. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

5. Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của Trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành 03 bản. Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa và một bản gửi về Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên của Trường (bản chính) sau khi kết thúc khóa học để lưu trữ lâu dài. Riêng bảng điểm học phần có đầy đủ các điểm thành phần và điểm thi, các khoa in từ hệ thống quản lý, Trưởng khoa ký xác nhận gửi phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên ngay sau khi kết thúc kỳ thi.

6. SV vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những SV này khi được Trường khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có). SV vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được Trường khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ những SV này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau.

Điều 8. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

SV được dự thi kết thúc học phần nếu đạt các điều kiện sau:

1. Tham dự ít nhất 75% số tiết lên lớp thực tế quy định cho học phần.
2. Làm đầy đủ các bài thực hành, bài tập, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn.

Điều 9. Dự thi kết thúc học phần

1. SV có đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần phải dự thi theo đúng lịch do Trường quy định.

2. SV không đủ điều kiện dự thi hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng nhận điểm 0 ở lần thi thứ nhất (kỳ thi chính).

3. SV ốm đau, đi công tác đột xuất hoặc vì những lý do đặc biệt khác được đề nghị hoãn thi, Trường sẽ bố trí cho những SV này dự thi vào lần tiếp theo và điểm thi được tính lần thi thứ nhất. Điều kiện và thủ tục cho SV hoãn thi do Hiệu trưởng quy định.

4. SV không làm đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành, tiểu luận, bài tập lớn..., nếu làm bổ sung đầy đủ sẽ được dự thi ở kỳ thi lại (tính lần thi thứ 2).

Điều 10. Thi lại và bảo lưu kết quả học phần

1. SV thi không đạt hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng ở lần thi thứ nhất, được dự thi lại.

2. SV vắng mặt trên lớp quá mức quy định cho một học phần phải đăng ký học lại học phần đó; SV không làm đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành, bài tập, tiểu luận, bài tập lớn, thiết kế đồ án, nếu làm bổ sung đầy đủ, sẽ được dự thi ở kỳ thi lại.

3. SV thi lại lần hai vẫn không đạt, nếu được xét học tiếp lên năm học sau phải đăng ký học để thi trả nợ học phần, số lần được thi trả nợ tối đa là 1 lần.

4. SV đã tốt nghiệp một trường đại học hoặc cao đẳng được bảo lưu kết quả một số học phần có cùng trình độ, nội dung và thời lượng với học phần đã học.

Điều 11. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân;

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng, điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân;

3. Điểm học phần theo thang điểm 10 là điểm chính thức để xét học vụ, học bổng, xếp loại tốt nghiệp; thang điểm chữ và điểm quy đổi sang thang điểm 4 dùng để tham khảo theo bảng sau:

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt (tích lũy)	Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10,0	A ⁺	4,0
	Giỏi	Từ 8,0 đến dưới 9,0	A	3,5
	Khá	Từ 7,0 đến dưới 8,0	B ⁺	3,0
	Trung bình khá	Từ 6,0 đến dưới 7,0	B	2,5
	Trung bình	Từ 5,0 đến dưới 6,0	C	2,0
	Trung bình yếu	Từ 4,0 đến dưới 5,0	D	1,0
Không đạt	Kém	Dưới 4,0	F	0

4. Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng ký hiệu I: chưa đủ dữ liệu đánh giá; X: chưa nhận được kết quả thi.

5. Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng ký hiệu R viết kèm với kết quả.

6. Việc xếp loại các mức điểm được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

7. Việc xếp loại ở mức điểm F còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm quy định về công tác tổ chức thi.

8. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự học, kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được Trường đơn vị quản lý học phần chấp thuận;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra hoặc thi kết thúc học phần vì lý do khách quan được Trường đơn vị quản lý học phần chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

9. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A⁺, A, B⁺, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt;

b) Những học phần được công nhận kết quả khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 12. Cách tính điểm trung bình chung

1. Điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy:

a) Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình theo hệ số tất cả các học phần mà sinh viên đăng ký và có thời khoá biểu học trong học kỳ;

b) Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo hệ số tất cả các học phần mà sinh viên đã học và xếp loại đạt từ khi nhập học cho đến thời điểm tính;

c) Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân (theo thang điểm 10):

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

- Điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy áp dụng để xét học vụ, xếp loại học lực sinh viên và xếp loại tốt nghiệp; điểm trung bình chung này được tính theo điểm học phần cao nhất trong các lần thi.

- Điểm trung bình chung theo năm học áp dụng để xét học bổng, khen thưởng (không có học phần nào bị học lại) và được thực hiện trong thời gian kế hoạch của khóa đào tạo và theo từng năm học.

2. Căn cứ điểm trung bình chung học kỳ, năm học để xếp loại theo quy định tại khoản 3, Điều 11 của Quy định này.

Điều 13. Ưu tiên trong đào tạo

SV thuộc đối tượng ưu tiên theo quy định tại Quy định tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành được cộng thêm thời gian tạm ngừng học để củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập. Thời gian được tạm ngừng học tối đa không quá 4 năm cho toàn khóa học đối với chương trình có thời gian đào tạo dưới 3 năm; không quá 5 năm cho toàn khóa học đối với các chương trình có thời gian đào tạo từ 3 năm đến 5 năm; không quá 6 năm cho toàn khóa học đối với các chương trình có thời gian đào tạo từ 5 năm trở lên.

Điều 14. Chuyển trường

1. SV được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:
 - a) Trong thời gian học tập nếu bản thân chuyển địa điểm làm việc hoặc có hoàn cảnh khó khăn cần thiết phải chuyển trường để có điều kiện học tập;
 - b) Trường xin chuyển đến và trường xin chuyển đi trong cùng một nhóm ngành đào tạo mà SV đang học;
 - c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.
2. SV không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:
 - a) SV năm thứ nhất và năm cuối khóa;
 - b) SV đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;
 - c) SV ở ngoài vùng tuyển quy định của Trường.
3. SV xin chuyển trường phải làm hồ sơ theo quy định của Nhà trường.
4. Trên cơ sở so sánh chương trình đào tạo ở trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến, Hiệu trưởng trường có SV xin chuyển đến quy định năm học và số học phần mà SV phải học bổ sung.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 15. Thực tập cuối khóa, làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp, học các môn thay thế

1. Đầu học kỳ cuối khoá, các SV được đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:
 - a) Làm đồ án tốt nghiệp áp dụng cho các khối ngành kỹ thuật của bậc đại học. Làm khoá luận tốt nghiệp áp dụng cho SV các khối ngành khác đạt được các quy định của Trường.
 - b) Đồ án, khoá luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng tương đương với 8 tín chỉ cho trình độ đại học tín chỉ; 5 tín chỉ cho trình độ cao đẳng.
 - c) Học và thi một số học phần chuyên môn: SV không được giao làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp để bảo vệ đồ án, khoá luận thì đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn, để tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình. Khối lượng các học phần này tương ứng với số tín chỉ của đồ án khoá luận tốt nghiệp.
 - d) Riêng SV bậc cao đẳng thuộc khối ngành kỹ thuật, có thể áp dụng hình thức thi cuối khoá dưới dạng giải quyết các nhiệm vụ kỹ thuật cụ thể và bảo vệ kết quả trước hội đồng thi do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập.
 - đ) SV chỉ được bảo vệ đồ án, khoá luận, thi kết thúc các học phần thay thế,

thi cuối khoá khi đã hoàn thành các học phần quy định của chương trình đào tạo theo chuyên ngành đào tạo của mình.

2. Tùy theo điều kiện của Trường và đặc thù của từng ngành đào tạo, Hiệu trưởng quy định:

a) Điều kiện để SV được đăng ký làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp: SV được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có điểm trung bình chung tích lũy tính đến thời điểm đăng ký làm đồ án, khóa luận đạt từ 7,0 điểm trở lên; tích lũy đủ tối thiểu 85 tín chỉ đối với cao đẳng, 115 tín chỉ đối với đại học (tùy theo đặc thù của từng ngành đào tạo để Hiệu trưởng có quy định riêng).

- Cho đến thời điểm xét làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, SV không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

- Còn thời gian học tập theo quy định đủ để hoàn thành đồ án, khóa luận.

b) Hình thức và thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp

- Đồ án, khóa luận thực hiện trong học kỳ cuối;

- Mỗi đồ án, khóa luận do một hoặc hai SV thực hiện, các đề tài không được trùng lặp với đề tài đã hoặc đang được thực hiện;

- Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải có nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát, để SV hoàn thành đồ án, khóa luận tốt nghiệp, trên cơ sở đề xuất của bộ môn, Nhà trường có thể bố trí thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khóa.

c) Điều kiện, nhiệm vụ của giảng viên (GV) hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với SV trong thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp

- Người hướng dẫn SV làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp phải có trình độ từ thạc sỹ trở lên, có kiến thức chuyên môn vững vàng, có uy tín khoa học, có thời gian giảng dạy đại học, cao đẳng ít nhất ba năm trở lên. Trong mỗi năm học, một GV hướng dẫn không quá 5 đề tài đối với người có trình độ thạc sỹ, không quá 8 đề tài đối với người có trình độ tiến sỹ;

- Người hướng dẫn SV làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn và giải quyết các vấn đề vướng mắc cho SV từ lúc có quyết định cử hướng dẫn đến lúc hoàn thành đồ án, khóa luận;

- Trách nhiệm của bộ môn đối với SV trong thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp: Giới thiệu GV hướng dẫn SV làm đồ án, khóa luận; giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên môn trong quá trình thực hiện đồ án, khóa luận;

- Trách nhiệm của khoa đối với SV trong thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp: Chậm nhất là 15 ngày trước khi bắt đầu học kỳ cuối khóa, khoa lập danh sách SV đăng ký làm đồ án, khóa luận kèm đề nghị GV hướng dẫn nộp cho Phòng

Đào tạo và Quản lí sinh viên để làm thủ tục ban hành quyết định cho SV làm đồ án, khóa luận và quyết định cử cán bộ hướng dẫn; giải quyết các vấn đề vướng mắc cho SV trong quá trình thực hiện đồ án, khóa luận.

3. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để SV hoàn thành đồ án, khóa luận tốt nghiệp, Trường có thể bố trí thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khoá.

Điều 16. Chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp

1. Chấm khóa luận và đồ án tốt nghiệp được thực hiện bởi Hội đồng do Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập. Số thành viên của Hội đồng là 3 hoặc 5 hoặc 7 người, trong đó có Chủ tịch và Thư ký.

a) Thành viên của Hội đồng là giảng viên của Trường hoặc có thể mời những người có trình độ chuyên môn phù hợp ở ngoài Trường.

b) Điểm đánh giá khóa luận và đồ án tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm của các thành viên Hội đồng, của người phản biện và người hướng dẫn (gọi chung là các điểm thành phần). Các điểm thành phần được chấm theo thang điểm 10 có phần lẻ đến 0,5. Điểm đánh giá cuối cùng có phần lẻ đến 0,1 (1 số lẻ thập phân) và được quy đổi sang thang điểm chữ theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Quy định này.

c) Kết quả chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc thi theo hình thức vấn đáp phải được công bố sau mỗi buổi bảo vệ, mỗi buổi thi. Kết quả thi viết phải được công bố chậm nhất là 3 tuần sau khi thi.

d) Điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

đ) SV có đồ án, khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án, khóa luận tốt nghiệp ở các học kỳ kế tiếp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế theo quy định tại Điều 15 của Quy định này.

2. Tổ chức học, thi các học phần thay thế cuối khoá được thực hiện giống như các học phần bình thường trong Quy định này.

Điều 17. Thực tập cuối khoá và điều kiện tốt nghiệp của một số ngành đào tạo đặc thù

Đối với một số ngành đào tạo đặc thù, Hiệu trưởng quy định nội dung, hình thức thực tập cuối khoá; hình thức chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp phù hợp với đặc điểm các chương trình của Trường.

Điều 18. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. SV có đủ các điều kiện sau thì được trường xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần bắt buộc của chương trình đào tạo được quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Quy định này;

c) Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa từ 5,00 trở lên (thang điểm 10);

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định;

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này để lập danh sách những SV đủ điều kiện tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp của Trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên làm thư ký và các thành viên là các Trưởng khoa chuyên môn.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp cho những SV đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 19. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học theo khoản 3, Điều 11 Quy định này.

2. Hạng tốt nghiệp của những SV có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải học lại (kể cả học cải thiện điểm) và thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Mỗi SV khi tốt nghiệp được cấp một bảng điểm ghi kết quả học tập theo từng học phần theo thang điểm 10 song song với kết quả được quy đổi theo thang điểm chữ. Trong bảng điểm phải ghi rõ chuyên ngành (chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của SV thỏa mãn những quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Quy định này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì SV được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. SV không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của Trường.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Xử lý kỷ luật đối với SV vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận tốt nghiệp, nếu vi phạm Quy định, SV sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. SV đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại Khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với SV vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy định tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Những vấn đề liên quan đến chương trình, tổ chức đào tạo; các nội dung, quy trình thi kết thúc học phần chưa được đề cập tại Quy định này thì được áp dụng theo Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường.

2. Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này đến tất cả các khóa đào tạo đại học và cao đẳng hệ VLVH theo hệ thống tín chỉ trong toàn Trường.

2. Các đơn vị trong toàn Trường có trách nhiệm phối hợp với Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên triển khai thực hiện Quy định này nghiêm túc và hiệu quả.

3. Định kỳ các đơn vị tổ chức rà soát, đánh giá, phát hiện những bất cập, vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo về Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên để kịp thời đề xuất bổ sung và chỉnh sửa chương trình đào tạo, các quy định về đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của Trường.



TS. Nguyễn Thị Chim Lang